TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109** /2019/HS-ST
Ngày: 08/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNHTH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Thiêm

2. Bà Vũ Thị Liên Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc A - tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/01/2000 tại TH *(tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 05 tháng 18 ngày)*; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã Y, huyện PL, tỉnh TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Không xác định được; Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không: Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH từ ngày 30/01/2019 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngọc A:* Ông Đào Anh T1, sinh năm 1975 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh TH (Có mặt)

- *Người bị hại:*

1. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1975 - trú tại xóm G, xã C, thành phố TH (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1998 - trú tại xóm G, xã C, thành phố TH (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc A là nhân viên bưng bê tại quán Đệ nhất bún đậu mắm tôm thuộc tổ X, phường T,thành phố TH. Trong quá trình làm việc tại quán, Ngọc A thấy anh Hoàng Đức T sinh năm 1998 - trú tại xóm G, xã C, thành phố TH là người làm cùng quán có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn Đen – Bạc, BKS 20B1 -481.71 (Chủ sở hữu là bà Vũ Thị D sinh năm 1975 - trú tại xóm G, xã C, thành phố TH, là mẹ đẻ của anh T, cho anh T mượn làm phương tiện đi lại) nên Ngọc A đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/7/2017, lợi dụng anh T ngủ say, Ngọc A đã dậy mở cửa quán rồi lén lút dắt chiếc xe của anh T đang dựng trong quán ra ngoài cổng. Sau đó Ngọc A quay lại phòng để đồ của nhân viên lấy số tiền 1.260.000đ và 01 chiếc thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ trong chiếc ba lô màu đen của T, rồi quay ra cổng điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp của anh T đi về nhà tại xóm B, xã Y, huyện PL, tỉnh TH. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, Ngọc A điều khiển xe quay lại thành phố TH gặp một người tên H1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) và mua của H1 01 BKS 20B1- 718.18 với giá 200.000đ. Sau đó Ngọc A tháo BKS 20B1 -481.71 và lắp BKS 20B1 -718.18 vào xe để tránh sự phát hiện. Đến 01 giờ ngày 05/7/2017, Ngọc A điều khiển xe mô tô trên đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Hoa Lan Tím thuộc tổ Y, phường Q, thành phố TH thì bị công an phường T phát hiện và bắt giữ cùng tang vật.

Ngày 05/7/2017 anh Hoàng Đức T đã trình báo Công an phường T đề nghị giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 217/HĐĐGTS ngày 06/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn đen –bạc, BKS 20B1 – 481.71 giá trị tài sản 11.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.360.000đ*(Mười hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Tại cơ quan điều tra: Nguyễn Ngọc A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Người bị hại là anh Hoàng Đức T khai: Khoảng 03 giờ sáng ngày 04/7/2017 tôi ngủ dậy thì phát hiện bị mất xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn đen –bạc, BKS 20B1 – 481.71 là xe của mẹ tôi (bà Vũ Thị D) cho mượn để đi làm. Sau đó tôi kiểm tra tư trang cá nhân thì phát hiện bị mất 1.260.000đ và 01 thẻ điện thoại Viettel 100.000đ. Tôi xác định Ngọc A là người lấy trộm tài sản của tôi. Chiếc xe mô tô hiện cơ quan điều tra đã trả cho mẹ tôi sử dụng. Nay tôi yêu cầu Ngọc A phải trả cho tôi số tiền 1.260.000đ và 01 thẻ điện thoại Viettel 100.000đ. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Người bị hại là bà Vũ Thị D khai: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn đen –bạc, BKS 20B1 – 481.71là của tôi mua năm 2013, đăng ký xe mang

tên tôi. Sau đó tôi có cho con trai tôi là Hoàng Đức T mượn để đi làm. Nay tôi đã nhận lại chiếc xe trên và không có yêu cầu gì khác.

Vật chứng của vụ án:

01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn đen –bạc, 01(một) BKS 20B1 – 481.71 hiện đã được trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Vũ Thị D.

01 BKS 20B1 -718.18 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Số tiền 1.260.000đ và 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bản Cáo trạng số 381/CT -VKSTPTN ngày 12 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc A về tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 20B1 -718.18

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 357, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Đức T số tiền 1.360.000đ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa: Nhất trí với tội danh, mức hình phạt và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đến hoàn cảnh của bị cáo. Nguyên nhân do một phần trách nhiệm của gia đình bị cáo đó là thiếu sự giáo dục của bố mẹ vì từ nhỏ bị cáo phải ở với ông bà ngoại.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an,cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại là bà Vũ Thị D, nhưng bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Hoàng Đức T hiện không có mặt ở địa phương, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 01giờ 30 phút ngày 04/7/2017, tại quán Đệ nhất bún đậu mắm tôm thuộc tổ X, phường T, thành phố TH, Nguyễn Ngọc A đã có hành vi trộm cắp 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn đen –bạc, BKS 20B1 – 481.71 trị giá 11.000.000đ, 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ và 1.260.000đ của anh Hoàng Đức T.

Hành vi của bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2015 có hiệu lực pháp luật, đối chiếu với điều luật của BLHS năm 2015 thì có mức khung hình phạt như nhau. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo về tội **"Trộm cắp tài sản"** quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..".

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và

làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn,,; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,,; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi việc xét xử nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn, cơ quan điều tra phải ra lệnh truy nã nên cần buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định bị cáo là người lao động không có thu nhập ổn định, không có tài sản do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu sơn đen –bạc, 01(một) BKS 20B1 – 481.71 chủ sở hữu hợp pháp là bà Vũ Thị D. Quá trình điều tra xác định đã nhận lại chiếc xe trên và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) BKS 20B1 -718.18 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH. Quá trình điều tra xác định đây là biển kiểm soát giả cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.260.000đ và 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ tại cơ quan điều tra, anh Hoàng Đức T yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận có trộm cắp của anh T số tài sản trên và nhất trí bồi thường cho anh Trung. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với người đàn ông tên H1 đã bán cho bị cáo 01 (một) BKS xe mô tô giả 20B1 -718.18. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ của người này, nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra để xử lý.

[9] Ngoài ra bị cáo còn khai nhận vào khoảng cuối tháng 6/2017 Ngọc A mượn01 chiếc xe mô tô BKS 20E1 -07890(không rõ nhãn hiệu) của anh Lê Văn

T2 sinh năm 2001 – địa chỉ: xóm B, xã Y, huyện PL, tỉnh TH. Sau đó bị cáo cùng bạn là Lê Quốc A sinh năm 2002 – địa chỉ: xóm Y, xã Y, huyện PL, tỉnh TH mang chiếc xe trên đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hiện Công an huyện PL đang thụ lý, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 91; Điều 101BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc A 06*(Sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát xe mô tô 20B1 -718.18

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 364 ngày 22/8/2017 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm bồi thường cho anh Hoàng Đức T trú tại xóm G, xã C, thành phố TH tổng số tiền 1.360.000đ *(Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là bà Vũ Thị D và anh Hoàng Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADSTPTH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc